

Số: /2023/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 3387/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTƯQH;
- Các Bộ: LĐTBXH, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm CB, Website, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, L (4).

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Lộc**

## QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND  
ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

##### 2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025.

b) Các cơ quan tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm giai đoạn 2023 - 2025 từ nguồn ngân sách địa phương.

#### Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương các cấp.

3. Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo công bằng, có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; trọng tâm là các đơn vị cấp huyện có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao.

4. Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện hàng năm và tỷ lệ giải ngân kinh phí, kết quả thực hiện kế hoạch năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Đối với các địa phương tự cân đối ngân sách: bố trí nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 3. Tiêu chí phân bổ vốn**

1. Căn cứ vào số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo Trung ương và địa phương) của các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>1</sup> để tính điểm hệ số.

2. Căn cứ vào tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao và cân nặng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo Trung ương và địa phương) của các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm hệ số trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng.

3. Đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

### **Điều 4. Hệ số, phương pháp tính, xác định phân bổ vốn**

1. Dự án 1: Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng)

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách tỉnh của Dự án cho cấp huyện

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm hệ số</b>
<b>1. Tiêu chí 1: tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7

<sup>1</sup> Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt số liệu hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo Trung ương cuối năm 2022 và chuẩn nghèo Bình Dương đầu giai đoạn 2023 - 2025.

Tiêu chí	Điểm hệ số
<b>2. Tiêu chí 2: tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
<b>3. Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố</b>	
10 xã trở xuống	1
Từ 11 đến 14 xã	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho tất cả các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 1 của Chương trình.

$X_1 \cdot Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$ .

2. Dự án 2: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp), cải thiện dinh dưỡng

a) Tiêu dự án 1: hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp)

- Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiêu dự án: tối đa 2% cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chủ trì, quản lý dự án; tối thiểu 98% cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí	Điểm hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
<b>2. Tiêu chí 2: tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
<b>3. Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
10 xã trở xuống	1
Từ 11 đến 14 xã	1,3

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Đi = Q.Xi.Yi$$

Trong đó:

Đi là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Yi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ n với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ n.

b) Tiểu dự án 2: cải thiện dinh dưỡng

- Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chủ trì, quản lý dự án; tối thiểu 90% cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí	Điểm hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
10 xã trở xuống	1
Từ 11 đến 14 xã	1,3

Tiêu chí	Điểm hệ số
<b>2. Tiêu chí 2: tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao và cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố</b>	
Dưới 2 %	1
Từ 2 % đến dưới 2,5 %	1,2
Từ 2,5 % đến dưới 3 %	1,4
Từ 3 % đến dưới 5%	2,2
Từ 5 % đến dưới 7 %	2,8
Từ 7% trở lên	3

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.D_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$D_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao và cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(Y_1.D_1) + (Y_2.D_2) + \dots + (Y_n.D_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện tiểu dự án 2 thuộc dự án 2 của Chương trình.

$Y_1.D_1$  là tích của hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao và cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất.

$Y_n.D_n$  là tích của hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao và cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$ .



### 3. Dự án 3: Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin

#### a) Tiêu dự án 1: giảm nghèo về thông tin

- Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiêu dự án: tối đa 13,5% cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chủ trì, quản lý dự án; tối thiểu 86,5% cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí	Điểm hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
<b>2. Tiêu chí 2: tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
<b>3. Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
10 xã trở xuống	1
Từ 11 đến 14 xã	1,3

- Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Ni = Q.Xi.Yi$$

Trong đó:

Ni là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$ .

b) Tiểu dự án 2: truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án: tối đa 30% cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chủ trì, quản lý dự án; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí	Điểm hệ số
<b>1. Tiêu chí 1: tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
<b>2. Tiêu chí 2: tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
<b>3. Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
10 xã trở xuống	1
Từ 11 đến 14 xã	1,3

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 3 của Chương trình.

$X_1 \cdot Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất.

$X_n \cdot Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $n$ .

4. Dự án 4: Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của dự án: tối đa 25% cho các Sở chủ trì, quản lý dự án; tối thiểu 75% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm hệ số</b>
<b>1. Tiêu chí 1: tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
<b>2. Tiêu chí 2: tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
<b>3. Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố</b>	
10 xã trở xuống	1
Từ 11 đến 14 xã	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 4.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ n với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ n.

### **Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách thực hiện Chương trình**

1. Các dự án có vốn đối ứng: Dự án 1 (hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng) và Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 (hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp) của Chương trình.

2. Nguồn vốn đối ứng: ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện bố trí vốn đối ứng để thực hiện Dự án 1 và Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

#### 3. Tỷ lệ vốn đối ứng

a) Các địa phương nhận trợ cấp từ ngân sách tỉnh từ 70% trở lên: hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các dự án có vốn đối ứng của Chương trình.

a) Các địa phương nhận trợ cấp từ ngân sách tỉnh từ 50% đến dưới 70%: hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các dự án có vốn đối ứng của Chương trình.

c) Các địa phương nhận trợ cấp từ ngân sách tỉnh dưới 50%: hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các dự án có vốn đối ứng của Chương trình./.